

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 36/2023/HSST
Ngày 10/5/2023

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thủy
2. Ông Nguyễn Hữu Hiền

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên

Ngày 10/5/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Mạnh C**, sinh ngày 15/6/1987; Giới tính: Nam;

Tên gọi khác: Không;

Nơi thường trú: Thôn Phong Lôi T, xã H, huyện ĐH, tỉnh TB

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông: Nguyễn Trọng T; Con bà: Phạm Thị U

Vợ: Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1989;

Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2011 và con nhỏ sinh năm 2013

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Đỗ Cao C1, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Long Bối Đ, xã H, huyện ĐH, tỉnh TB

2. Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Phong Lôi Đ, xã H, huyện ĐH, tỉnh TB

3. Anh Nguyễn Thành Đ1, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Long Bối Đ, xã H, huyện ĐH, tỉnh TB

4. Anh Phạm Văn Đ2, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Phong Lôi T, xã H, huyện ĐH, tỉnh TB

5. Anh Trần Văn V, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Phong Lôi T, xã H, huyện ĐH, tỉnh TB

6. Anh Nguyễn Mạnh C2, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn An B, xã LG, huyện ĐH, tỉnh TB

*** Người làm chứng:**

Chị Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Phong Lôi T, xã H, huyện ĐH, tỉnh TB

(Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Mạnh C là lao động tự do, không đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực cho vay tín dụng. Lợi dụng nhu cầu của người dân cần vay vốn làm ăn, khi những người cùng xã hoặc quen biết đến nhà C đặt vấn đề hỏi vay tiền, hai bên thống nhất mức lãi suất. Sau đó, C yêu cầu người vay tiền tự viết nội dung vay vào quyển sổ hoặc giấy do C chuẩn bị với nội dung: người vay, ngày vay, số tiền vay (tiền gốc) và ngày hẹn trả nợ, không ghi lãi suất. Sau đó, C đưa tiền mặt cho người vay tiền. Tiền lãi đóng cho C theo tháng bằng hình thức đưa tiền mặt trực tiếp hoặc chuyển vào số tài khoản 159148707 tại Ngân hàng VPBANK của vợ C là chị Nguyễn Thị Bích P mà C chỉ định vì C không có tài khoản cá nhân. Tài khoản này, chị P sử dụng chính trong việc thanh toán tiền hàng hóa bán hàng Online, C cung cấp thông tin tài khoản cho người vay nhưng không nói cho chị P biết việc cho C giao dịch trong việc vay lãi nặng. Trong khoảng thời gian từ 17/02/2022 đến ngày 19/9/2022, nhiều lần C cho vay tiền với lãi suất cao. Các lần cho vay có thể với mức lãi suất khác nhau, tùy thuộc vào sự thỏa thuận giữa các bên, có thể là mức 3000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương ứng với lãi suất 0,3%/1 ngày, 109,5%/1 năm ($0,3\% \times 365 = 109,5\%$ / 1 năm), vượt 5,47 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định là 20 %/ năm; mức lãi suất 4.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương ứng với tiền lãi là 0,4%/ngày, tương ứng với 146%/năm. Mức lãi suất trên gấp 7,3 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự; mức vay 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng với 182,5%/năm. Mức lãi suất trên gấp 9,125 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự. Các lần cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cụ thể như sau:

1. Đối với những giao dịch cho vay với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000/01 ngày tương đương 182,5%/1 năm, vượt 9,125 lần mức lãi

suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự quy định là 20%/ năm của khoản tiền vay, gồm:

1.1. Giao dịch vay tiền của anh Đỗ Cao C1: Trong các ngày 29/6/2022 (tức ngày 01/6/2022 âm lịch), 16/7/2022 (tức ngày 18/6/2022 âm lịch), 06/8/2022 (tức ngày 09/7/2022 âm lịch), C1 03 lần đến nhà C vay tiền, mỗi lần vay số tiền 20.000.000 đồng, tổng số tiền là 60.000.000 đồng, với mỗi khoản vay, C1 đều hẹn trong vòng 02 tháng sẽ trả tiền mỗi ngày, C1 phải trả số tiền lãi là 100.000 đồng/01 khoản vay. Khi vay tiền, C yêu cầu C1 viết giấy vay mượn tiền rồi đưa lại cho C. C và C1 thống nhất vào các ngày 01, 09, 18 (âm lịch) hàng tháng (đủ 30 ngày) thì C1 phải trả cho C số tiền lãi là 3.000.000 đồng với mỗi khoản vay, mỗi khi trả lãi C1 đều thông báo cho C biết, nếu chuyển khoản, C chỉ định cho C1 chuyển tiền thông qua tài khoản của chị P do C cung cấp. C1 sử dụng số tài khoản 2990123101990 của C1 đã mở tại Ngân hàng MB Bank chuyển đến tài khoản của chị P. Khi đến hạn trả tiền gốc, do chưa có tiền trả, C1 khất nợ lại khoản tiền gốc đã vay, hẹn khi nào có thì sẽ trả và tiếp tục đóng lãi hàng tháng, C đồng ý. Hành vi phạm tội của C bị phát hiện vào ngày 02/01/2023 thì C1 vẫn đang tiếp tục vay số tiền trên, chưa trả tiền lãi suất của những tháng còn nợ lại, các khoản nợ như sau:

- Đối với khoản vay ngày 29/6/2022: Từ ngày 29/6/2022 đến ngày 02/01/2023 (188 ngày), theo thỏa thuận số tiền lãi C1 phải trả cho C là 188 ngày $\times$ 100.000 đồng/ngày = 18.800.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi được thu theo quy định của pháp luật là **2.060.274** đồng, số tiền lãi thu trái quy định của pháp luật cần truy cứu trách nhiệm hình sự là **16.739.726** đồng. Trên thực tế, anh C1 đã trả C 05 tháng tiền lãi (tương đương 150 ngày), với số tiền là 15.000.000 đồng vào các ngày 30/7, 29/8, 25/10, 26/11/2022. Số tiền này, C1 chuyển khoản số tiền lãi mỗi tháng 3.000.000 đồng đến tài khoản của chị P; riêng khoản tiền lãi C1 trả ngày 27/9/2022, C1 chuyển khoản số tiền lãi 1.500.000 đồng vào tài khoản của chị P, còn 1.500.000 đồng C1 trả tiền mặt trực tiếp cho C. Như vậy, tiền lãi suất được thu theo quy định của pháp luật là **1.643.836** đồng, lãi suất đã thu trái quy định của pháp luật là: **13.356.164** đồng.

- Đối với khoản vay ngày 16/7/2022 là 20.000.000 đồng: Từ ngày 16/7/2022 đến ngày 02/01/2023 (171 ngày), theo thỏa thuận số tiền lãi C1 phải trả cho C là 171 ngày $\times$ 100.000 đồng/ngày = **17.100.000** đồng. Trong đó, số tiền lãi được thu theo quy định của pháp luật là **1.873.973** đồng, số tiền thu trái quy định của pháp luật cần truy cứu trách nhiệm hình sự là **15.226.027** đồng. Trên thực tế, C1 mới trả cho C 05 tháng tiền lãi (150 ngày) với số tiền là 15.000.000 đồng vào các ngày 15/8, 14/9, 13/10, 11/11, 12/12/2022, C1 chuyển khoản số tiền lãi mỗi lần 3.000.000 đồng vào tài khoản chị P. Trong đó xác

định, tiền lãi suất được thu theo quy định của pháp luật là **1.643.836** đồng; tiền lãi suất đã thu trái quy định của pháp luật là **13.356.164** đồng.

- Đối với khoản vay ngày 06/8/2022 là 20.000.000 đồng, tính từ ngày 06/8/2022 đến ngày 02/01/2023 (150 ngày), theo thỏa thuận số tiền lãi C1 phải trả cho C là 150 ngày $\times$ 100.000 đồng/ngày = **15.000.000** đồng. Trong đó, số tiền lãi được thu theo quy định của pháp luật là **1.643.836** đồng, số tiền lãi thu trái quy định của pháp luật cần truy cứu trách nhiệm hình sự là **13.356.164** đồng. Trên thực tế, C1 mới trả cho C 04 tháng tiền lãi (120 ngày) với số tiền là 12.000.000 đồng vào các ngày 05/9, 04/10, 07/11, 02/12/2022, C1 chuyển khoản số tiền lãi mỗi lần 3.000.000 đồng vào tài khoản chi P. Trong đó, tiền lãi suất được thu theo quy định của pháp luật là **1.315.068** đồng; lãi suất đã thu vượt quá là: **10.684.932** đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính xác định truy cứu trách nhiệm hình sự là **45.321.917** đồng. Số tiền trên thực tế đã thu lãi là **42.000.000** đồng. Trong đó, số tiền lãi được thu theo quy định của pháp luật là **4.602.740** đồng, số tiền lãi thu trái quy định của pháp luật cần trả lại cho anh C1 là **37.397.260**. Số tiền gốc đến thời điểm hiện tại tại anh C1 đã trả xong số tiền gốc cho C.

1.2. Đối với giao dịch vay tiền của anh Phạm Văn Đ:

Ngày 19/9/2022 (tức ngày 24/8/2022 âm lịch), anh Đ vay tiền C số tiền 10.000.000 đồng và hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả tiền, C đồng ý cho anh Đ vay số tiền trên với mức lãi suất 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tức là mỗi ngày Đ phải trả C tiền lãi suất là $(0,5 \times 10.000.000) = 50.000$ đồng; khi vay tiền, C yêu cầu anh Đ viết giấy vay mượn tiền rồi đưa lại cho C. Khi đến hạn trả tiền gốc, do chưa có tiền trả cho C nên anh Đ khát nợ lại khoản tiền gốc đã vay, hẹn khi nào có thì sẽ trả và tiếp tục đóng lãi hàng tháng, C đồng ý. Anh Đ thống nhất ngày 24 âm lịch hàng tháng (đủ 30 ngày) thì Đ phải trả cho C số tiền lãi là 1.500.000 đồng. Đến khi, hành vi phạm tội của C bị phát hiện thì giữa các bên vẫn đang tiếp tục thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận. Tính từ ngày 19/9/2022 đến ngày 02/01/2023 (106 ngày), tiền lãi mà anh Đ phải trả cho C là 106 ngày $\times$ 50.000 đồng/ngày = **5.300.000 đồng**. Trong đó, lãi suất được thu theo quy định của pháp luật là **580.822** đồng, tiền lãi thu trái quy định của pháp luật cần truy cứu trách nhiệm hình sự là **4.719.178** đồng. Trên thực tế, vào các ngày 19/10, 17/11, 17/12/2022, anh Đ đến nhà C để trả C số tiền lãi tháng theo thỏa thuận bằng tiền mặt. Như vậy, số tiền trên thực tế mà anh Đ đã trả lãi cho C 03 tháng (90 ngày) là **4.500.000** đồng. Trong đó, tiền lãi suất được thu theo quy định của pháp luật là **493.151** đồng; lãi suất đã thu vượt quá quy định của pháp luật cần trả lại cho anh Đ là: **4.006.849** đồng. Đến thời điểm hiện tại, anh Đ đã trả xong cho C toàn bộ tiền gốc.

1. 3. Đối với giao dịch vay tiền của anh Nguyễn Mạnh C2, sinh năm 1994, cư trú tại thôn An B, xã LG, huyện ĐH, tỉnh TB:

Ngày 27/6/2022, anh Nguyễn Mạnh C2 đến nhà C vay số tiền 35.000.000 đồng, anh C2 hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả tiền, bị cáo C đồng ý cho anh C2 vay số tiền với mức lãi suất 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Tức là mỗi ngày anh C2 phải trả số tiền lãi là $(0,5\% \times 35.000.000 \text{ đồng}) = 175.000 \text{ đồng}$. Khi vay tiền, bị cáo C yêu cầu anh C2 viết giấy vay mượn tiền rồi đưa lại cho bị cáo. Đến hạn trả tiền gốc, do chưa có tiền trả nên anh C2 khát nợ lại khoản tiền gốc đã vay, hẹn khi nào có thì sẽ trả và tiếp tục đóng lãi hàng tháng, bị cáo C đồng ý. Hai bên thống nhất ngày 27 hàng tháng (đủ 30 ngày) thì anh C2 phải trả cho bị cáo C số tiền lãi là 5.250.000 đồng. Đến ngày trả lãi vào ngày 27/7/2022, anh C2 trả trực tiếp 5.250.000 đồng tiền mặt cho bị cáo. Lần trả lãi của tháng tiếp theo, tuy chưa đến hạn trả nhưng ngày 05, 06/8/2022 anh C2 trả lãi bằng hình thức chuyển khoản từ Ngân hàng MB bank có số tài khoản 199414109999 đến tài khoản của chị P với số tiền lần lượt là 1.750.000 đồng và 1.500.000 đồng. Đến ngày 27/8/2022 là ngày trả lãi theo thỏa thuận, anh C2 đến nhà bị cáo C trả 500.000 đồng và xin không phải đóng lãi tháng mà chỉ trả gốc, C đồng ý. Ngày 08/9/2022, anh C2 chuyển 1.500.000 đồng vào tài khoản của chị P để trả nốt khoản tiền lãi tháng 8. Đến ngày 06/10/2022, anh C2 chuyển 1.500.000 đồng vào tài khoản của chị P để trả tiền gốc. Sau đó, anh C2 tiếp tục trả 8.500.000 đồng tiền gốc bằng tiền mặt nhưng cả hai không nhớ cụ thể ngày trả tiền. Đến thời điểm hiện tại, anh C2 chỉ còn nợ lại bị cáo C 25.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, từ ngày 27/6/2022 đến ngày 27/8/2022 (60 ngày), theo thỏa thuận và thực tế số tiền lãi anh C2 phải trả cho bị cáo C là $(60 \text{ ngày} \times 175.000 \text{ đồng/ngày}) = 10.500.000 \text{ đồng}$. Trong đó, tiền lãi suất thu theo quy định của pháp luật là $(35.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày}) \times 60 \text{ ngày} = 1.150.685 \text{ đồng}$, số tiền lãi thu trái quy định của pháp luật còn lại cần xử lý hình sự là 9.349.315 đồng, đây cũng là số tiền phải trả lại cho anh C2. Đến nay, số tiền gốc anh C2 đã trả cho bị cáo C là 10.000.000 đồng, còn nợ lại 25.000.000 đồng chưa trả.

1.4. Đối với giao dịch vay tiền của anh Nguyễn Thành Đ1:

Anh Đ1 03 lần vay tiền C với mức lãi suất theo thỏa thuận là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, gồm: Ngày 01/8/2022 dương lịch (tức ngày 04/7/2022 âm lịch), Đ1 vay C số tiền 20.000.000 đồng, tức là mỗi ngày phải trả lãi với số tiền $0,5\% \times 20.000.000 \text{ đồng} = 100.000 \text{ đồng}$ (3.000.000 đồng/tháng); ngày 21/8/2022 dương lịch (tức ngày 24/7/2022 âm lịch) và ngày 25/8/2022 dương lịch, Đ1 vay mỗi lần với số tiền 10.000.000 đồng, tức là mỗi ngày Đ1 phải trả số tiền lãi là $0,5\% \times 10.000.000 \text{ đồng} = 50.000 \text{ đồng}$ (1.500.000 đồng/tháng) đối với mỗi khoản tiền vay đó. Đến ngày 01/9/2022, do không có tiền trả tiền lãi cho C nên Đ1 xin C chỉ trả lãi 01 tháng đối với cả 3 khoản vay, không đóng thêm tiền lãi hàng tháng mà chỉ trả tiền gốc đã vay, C đồng ý. Ngày 25/9/2022, Đ1 dùng số tài khoản 100868378329 của Đ1 ở Ngân hàng Vietinbank để chuyển số tiền 11.000.000 đồng đến tài khoản của chị P gồm

6.000.000 đồng tiền lãi và 5.000.000 đồng tiền gốc. Ngày 30/10/2022, Đ1 chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng đến số tài khoản của chị P, trong đó trả 3.000.000 đồng tiền gốc, còn 2.000.000 đồng Đ1 nhờ C đổi sang tiền mặt hộ. Ngày 24/12/2022, Đ1 chuyển khoản số tiền 3.000.000 đồng để trả tiền gốc đến tài khoản của chị P.

Như vậy, số tiền lãi C đã hưởng khi cho Đ1 vay số tiền 40.000.000 đồng là **6.000.000** đồng. Theo quy định của pháp luật, C chỉ được phép thu của Đ1 số tiền lãi trong 01 tháng (30 ngày) là $(40.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày}) \times 30 \text{ ngày} = 657.534$ đồng. Số tiền lãi còn lại thu vượt quá bị xem xét cần xử lý trách nhiệm hình sự là **5.342.466** đồng và đây cũng là số tiền C phải trả lại anh Đ1. Hiện tại, anh Đ1 còn nợ C số tiền gốc là 29.000.000 đồng.

2. Đối với những khoản vay có mức lãi suất dưới 5.000 đồng/1.000.000/1 ngày:

2.1. Đối với giao dịch vay tiền của anh Phạm Văn Đ2:

Ngày 17/02/2022, anh Đ2 vay C với số tiền 20.000.000 đồng, Đ2 hẹn trong vòng 02 tháng sẽ trả tiền, C đồng ý cho Đ2 vay số tiền trên với mức lãi suất 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất trên năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tức là mỗi ngày Đ2 phải trả số tiền lãi là $0,3\% \times 20.000.000 \text{ đồng} = 60.000$ đồng; khi vay tiền, C yêu cầu Đ2 viết giấy vay mượn tiền rồi đưa lại cho C. C và Đ2 thống nhất ngày 17 dương lịch hàng tháng (đủ 30 ngày) thì Đ2 phải trả cho số tiền lãi là 1.800.000 đồng. Khi đến hạn trả tiền gốc, do chưa có tiền trả cho C nên Đ2 khất nợ lại khoản tiền gốc đã vay, hẹn khi nào có thì sẽ trả và tiếp tục đóng lãi hàng tháng, C đồng ý. Tính từ ngày 17/02/2022 đến ngày 02/01/2023 là ngày hành vi phạm tội của C bị phát hiện, hai bên vẫn đang thực hiện hợp đồng vay theo thỏa thuận. Số tiền lãi Đ2 phải trả cho C là $(320 \text{ ngày} \times 60.000 \text{ đồng/ngày}) = 19.200.000$ đồng. Trong đó, lãi suất được thu theo quy định của pháp luật là $(20.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày}) \times 320 \text{ ngày} = 3.506.849$ đồng, số tiền lãi suất còn lại thu trái quy định của pháp luật cần xử lý trách nhiệm hình sự **15.693.151** đồng.

Trên thực tế, vào các ngày 17/3, 17/5, 17/6, 17/8, 17/11/2022, anh Đ2 trả lãi tháng bằng tiền mặt trực tiếp cho C. Các ngày 16/7, 16/9 và ngày 14/10/2022 Đ2 dùng số tài khoản 0211000550389 của Đ2 mở tại Ngân hàng Vietcombank để chuyển số tiền lãi tháng đến số tài khoản của chị P. Ngày 20/4/2022, anh Đ2 chuyển khoản số tiền lãi 300.000 đồng, còn 1.500.000 đồng anh Đ2 đưa tiền mặt trực tiếp cho C; ngày 22/12/2022, Đ2 chuyển khoản số tiền lãi 1.500.000 đồng, còn 300.000 đồng anh Đ2 đưa tiền mặt trực tiếp cho C. Tổng số tiền đã thu $(10 \text{ tháng} \times 1.800.000 \text{ Đồng}) = 18.000.000$ đồng. Như vậy, lãi suất được thu theo quy định của pháp luật là $(20.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 300 \text{ ngày}) = 3.287.671$ đồng, lãi suất thu vượt quá quy định của pháp luật cần trả

lại anh Đ2 là **14.712.329** đồng. Hiện số tiền gốc 20.000.000 đồng, anh Đ2 chưa trả cho C.

2.2. Đối với các giao dịch vay tiền của anh **Trần Văn V**:

Anh V 02 lần vay tiền của C:

Lần thứ nhất, ngày 29/4/2022, anh V vay C số tiền 18.000.000 đồng, với mức lãi suất 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Tức là mỗi ngày anh V phải trả số tiền lãi là $0,3\% \times 18.000.000 \text{ đồng} = 54.000 \text{ đồng}$ (1.600.000 đồng/tháng làm tròn), tương ứng với lãi suất 109,5%/năm, cao gấp 5,475 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự và thống nhất trả lãi vào ngày 29 dương lịch hàng tháng (đủ 30 ngày), anh V hẹn trả tiền sau 02 tháng.

Lần thứ hai, ngày 30/8/2022 (tức ngày 04/8/2022 âm lịch), anh V vay tiếp 15.000.000 đồng với mức lãi suất 4.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Tức là mỗi ngày anh V phải trả số tiền lãi là $0,4\% \times 15.000.000 \text{ đồng} = 60.000 \text{ đồng}$ (1.800.000 đồng/tháng), tương ứng với lãi suất 146%/năm, cao gấp 7,3 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự. Anh V hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả tiền. Các lần vay, C đều yêu cầu anh V viết giấy vay tiền rồi giao lại cho C; khi đến hạn trả tiền gốc, do chưa có tiền trả anh V khát nợ lại khoản tiền gốc đã vay, hẹn khi nào có thì sẽ trả và tiếp tục đóng lãi hàng tháng, C đồng ý.

- Đối với khoản tiền vay ngày 29/4/2022: Từ ngày 29/4/2022 đến ngày 02/01/2023 (249 ngày), theo thỏa thuận số tiền lãi anh V phải trả cho C là theo thỏa thuận số tiền lãi anh V phải trả cho C là $249 \text{ ngày} \times 54.000 \text{ đồng/ngày} = \mathbf{13.446.000}$ đồng. Trong đó, số tiền lãi được thu theo quy định của pháp luật là 2.455.890 đồng, số tiền lãi suất còn lại thu vượt quá quy định của pháp luật phải xử lý hình sự là **10.990.110** đồng. Thực tế số tiền lãi anh V mới trả C 7 tháng (210 ngày) vào các ngày 30/5, 29/7, 30/9, 30/10 và ngày 01/12/2022, những lần này, anh V dùng số tài khoản 3405205352100 của anh V ở Ngân hàng Agribank để chuyển đến tài khoản của chị P, với mỗi lần là 1.600.000 đồng; khi trả tiền, anh V nói trước cho C biết. Còn ngày 29/6 và 30/8/2022, anh V đến nhà C đưa tiền mặt trực tiếp cho C theo số tiền lãi mỗi tháng đã thỏa thuận là 1.600.000 đồng/tháng. Tổng số tiền anh V đã trả C là **11.340.000** đồng. Trong đó, số tiền lãi suất được thu theo quy định của pháp luật là **2.071.233** đồng, số tiền lãi suất thu vượt quá quy định của pháp luật cần trả lại cho anh V là **9.268.767** đồng.

- Đối với khoản tiền vay ngày 30/8/2022 (tức ngày 04/8/2022 âm lịch): Từ ngày 30/8/2022 đến ngày bị phát hiện là ngày 02/01/2023 (126 ngày), theo thỏa thuận số tiền lãi anh V phải trả cho C là $126 \text{ ngày} \times 60.000 \text{ đồng/ngày} = \mathbf{7.560.000}$ đồng. Trong đó, số tiền lãi được thu theo quy định của pháp luật là **1.035.616** đồng, số tiền lãi suất còn lại thu vượt quá quy định của pháp luật cần xử lý hình sự là **6.524.384** đồng. Trên thực tế, anh V mới trả cho C 03 tháng tiền lãi (90 ngày) vào các ngày 30/9, 30/10, 01/12/2022, anh V dùng số tài

khoản 3405205352100 của anh V ở Ngân hàng Agribank để chuyển số tiền lãi mỗi lần là 1.800.000 đồng đến tài khoản của chị P. Tổng số tiền C đã thu là **5.400.000** đồng. Trong đó, tiền lãi được thu theo quy định của pháp luật là **799.726** đồng, số tiền lãi suất thu vượt quá quy định của pháp luật cần trả lại cho anh V là **4.600.274** đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi suất C thu trái quy định của pháp luật cần xử lý hình sự là 10.990.000 đồng + 6.524.384 đồng = **17.514.494** đồng; tiền lãi suất thu theo quy định của pháp luật là 2.071.233 đồng + 799.726 đồng = **2.870.959** đồng; tiền lãi suất thu vượt quá cần trả lại cho anh V là 9.268.767 đồng + 4.600.274 đồng = **13.869.041** đồng.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh C thu lời bất chính là **97.940.521** đồng.

Tại bản cáo trạng số 28/VKSĐH ngày 27/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh C có lý lịch nêu trên về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Mạnh C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Mạnh C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

*Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh C từ 170.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi liên quan gồm: anh Đỗ Cao C1, anh Phạm Văn Đ, anh Nguyễn Thành Đ1, anh Phạm Văn Đ2, anh Nguyễn Mạnh C2, anh Trần Văn V là những người được nhận lại số tiền mà C đã thu lãi vượt quá quy định của Bộ luật dân sự trên số tiền thực tế mà họ đã trả cho C nhưng họ cho lại C cần chấp nhận.

Tiền gốc bị cáo cho vay và tiền lãi bị cáo đã thu theo quy định của pháp luật cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Ngoài ra còn đề nghị về án phí.

Bị cáo Nguyễn Mạnh C nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện DH, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa như:

- Giấy vay tiền do người vay đã viết, gồm: Đỗ Cao C1 đề ngày 18/6/2022 (AL) và ngày 9/7 âm; Nguyễn Thành Đ1 đề ngày 24/7 (ÂL); V vay ngày 4/8 (AL) và 29/4/2022 (DL); Phạm Văn Đ đề ngày 24/8/2022 được viết trong quyển sổ bìa giấy màu xanh, trắng kích thước (14 × 10) cm (Bút lục số 58-60; 80,81), có tờ bị xé rời; Đỗ Cao C1 đề ngày 1/6/2022(AL), Nguyễn Thành Đ1 đề ngày 04/7/2022(AAL) được viết trong quyển sổ bìa giả da, màu đen, kích thước (20 × 14) cm (Bút lục số 50,79);

- Giấy vay tiền viết trên khổ giấy A4 màu trắng đề ngày 27/6/2022 của Nguyễn Mạnh C2 (Bút lục số 82); Giấy vay tiền viết trên giấy ô ly (vở học sinh) đề ngày 17/2/2022(DL) (Bút lục số 83);

- Lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: anh Đỗ Cao C1, anh Phạm Văn Đ, anh Nguyễn Thành Đ1, anh Phạm Văn Đ2, anh Nguyễn Mạnh C2, anh Trần Văn V (Bút lục số 285-310);

- Lời khai của người làm chứng về việc có cho bị cáo C mượn số tài khoản cá nhân để bị cáo sử dụng trong giao dịch cho vay tiền: Chị Nguyễn Thị Bích P (Bút lục số: 220-226);

- Các tài liệu được sao kê tại các Ngân hàng có liên quan đến giao dịch cho vay lãi nặng và các biên bản giao, nhận gồm: Sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có từ ngày 01/7/2022 đến 31/12/2023 của Ngân hàng MB, số TK 2990123101990 mang tên Đỗ Cao C1; Sổ phụ do Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh DH cung cấp các giao dịch từ ngày 30/3/2022 đến 28/12/2022 có số tài khoản 3405205352100 mang tên Trần Văn V; Sổ sao kê tài khoản các giao dịch từ ngày 01/2/2022 đến 30/6/2022 của Ngân hàng Vietcombank có số tài khoản 0211000550389 mang tên Phạm Văn Đ2; Sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có từ ngày 01/6/2022 đến 30/6/2022 của Ngân hàng TMCP Quân đội, số TK 199414109999 mang tên Nguyễn Mạnh C2; Sổ phụ kiêm phiếu báo nợ, báo có (Kỳ sao kê từ 01/01/2022 đến 31/3/2022; 01/4/2022 đến 30/6/2022; 01/7/2022 đến 30/9/2022; 01/10/2022 đến 02/01/2023), số tài khoản 159148707 mang tên Nguyễn Thị Bích P (vợ C) tại Ngân hàng VP Bank; Sao kê chi tiết giao dịch tại Ngân hàng TMCP Công

thương Việt Nam của Nguyễn Thành Đ1, số tài khoản 034092021914 đối với các giao dịch từ 01/01/2022 đến ngày 03/01/2023 (bút lục số: 84 – 190).

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 17/02/2022 đến ngày 02/01/2023, Nguyễn Mạnh C đã 11 lần cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 06 người, gồm: anh Đỗ Cao C1, anh Phạm Văn Đ, anh Nguyễn Thành Đ1, Phạm Văn Đ2, anh Nguyễn Mạnh C2, sinh năm 1994, cư trú tại thôn An B, xã LG, huyện ĐH, tỉnh TB; anh Trần Văn V, với tổng số tiền gốc là **198.000.000** đồng, mức lãi suất nhỏ nhất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày; lớn nhất là 5.000 đồng/1000.000 đồng/1 ngày tương đương 109,5%/năm đến 182,5%/năm vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%) từ 5,475 lần đến 9,125 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi được thu theo quy định của pháp luật là **14.965.479** đồng; thu lợi bất chính đến thời điểm tội phạm bị phát hiện cần xử lý hình sự là **97.940.521** đồng. Bị cáo thực hiện nhiều lần hành vi cho vay lãi nặng, các lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng nhưng tổng số tiền thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng. (Số tiền lãi suất bị cáo đã thu thực tế của những người liên quan là **97.740.000** đồng; trong đó tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là **13.062.740** đồng; số tiền thu lợi bất chính phải trả lại cho người liên quan là **84.677.260 đồng**). Hành vi của bị cáo Nguyễn Mạnh C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[3] Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, vì vậy việc xét xử bị cáo bằng pháp luật hình sự là cần thiết để giáo dục bị cáo và có tác dụng trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Về tình tiết giảm nhẹ bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn

khai báo, đã nộp được một phần tiền tại Chi cục Thi hành án để khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đề nghị là phù hợp.

[5] Về vật chứng: Căn cứ Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Tổng số tiền cho vay cần truy thu nộp ngân sách nhà nước: 198.000.000 đồng. Trong đó:

+ Truy thu đối với số tiền bị cáo đã thu tiền gốc của C1 60.000.000 đồng + Đoàn 10.000.000 đồng + C2 10.000.000 đồng + 11.000.000 đồng = 91.000.000 đồng.

+ Tịch thu từ số tiền vay mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả gốc: C2: 25.000.000 đồng + Đ1 29.000.000 đồng + Đ2 20.000.000 đồng + V 33.000.000 đồng = 107.000.000 đồng.

- Truy thu số tiền lãi theo quy định của pháp luật mà bị cáo C đã thu trên thực tế của người vay: 13.062.740 đồng để nộp ngân sách nhà nước, gồm: C1: 4.602.740 đồng; Đoàn: 493.151 đồng; C2: 1.150.685 đồng; Đ1: 657.534 đồng; Đ2: 3.287.671 đồng; V: 2.870.959 đồng.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền thu lời bất chính: 84.677.260 đồng, gồm: anh C1: (13.356.164 đồng + 13.356.164 đồng + 10.684.932 đồng) = 37.397.260 đồng; anh Đoàn: 4.006.849 đồng; anh C2: 9.349.315 đồng; anh Đạt: 5.342.466 đồng; anh Điệp: 14.712.329; anh V: 13.869.041 đồng.

Tuy nhiên, anh Đỗ Cao C1, anh Phạm Văn Đ, anh Nguyễn Thành Đ1, Phạm Văn Đ2, anh Trần Văn V, anh Nguyễn Mạnh C2, sinh năm 1994, cư trú tại thôn An B, xã LG, huyện ĐH, tỉnh TB tự nguyện cho lại bị cáo số tiền này nên cần chấp nhận.

Trong vụ án này, đối với chị Nguyễn Thị Bích P: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ xác định, số tiền C dùng cho vay lãi là khoản tiền do lao động chính đáng của C mà có. Thu nhập từ tiền lương và tiền thu nhập từ bán hàng Online của chị Phượng chỉ đủ sinh hoạt hàng ngày và nuôi các con ăn học; chị không biết việc C cho vay lãi; C không có tài khoản Ngân hàng riêng nên đã hỏi nhờ chị cho mượn số tài khoản 159148707 mà chị đã mở để giao dịch hàng ngày tại Ngân hàng VPBANK, chi nhánh Thái Bình để giao dịch nhận tiền lãi khi người vay trả. Mỗi khi trả tiền vào tài khoản theo chỉ định của C, họ đều báo trước cho C biết. Khi tiền chuyển vào tài khoản, C nhờ chị P rút tiền hộ, chị P đã hỏi C nguồn gốc tiền chị rút hộ C nói là tiền làm ăn nên chị P thôi không hỏi nữa.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, khi vay tiền và trả tiền gốc, lãi chỉ họ giao dịch trực tiếp với C với. Vì vậy, không có đủ căn cứ xác định chị P là đồng phạm trong vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Mạnh C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

2. Áp dụng:

*Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50 Bộ luật hình sự. Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh C 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng)

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Buộc bị cáo phải nộp 91.000.000 đồng + 13.062.740 đồng = 104.062.740 đồng để nộp ngân sách nhà nước. Đối trừ số tiền bị cáo nộp 15.000.000 đồng theo biên lai số 0001224 ngày 31/3/2023 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh TB. Bị cáo còn phải nộp 89.062.740 đồng.

- Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp ngân sách nhà nước gồm: anh Nguyễn Mạnh C2 phải nộp 25.000.000 đồng; anh Nguyễn Thành Đ1 phải nộp 29.000.000 đồng; anh Phạm Văn Đ2 phải nộp 20.000.000 đồng; anh Trần Văn V phải nộp 33.000.000 đồng.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận việc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tự nguyện cho bị cáo số tiền thu lời bất chính: 84.677.260 đồng, gồm: anh C1: 37.397.260 đồng; anh Đoàn: 4.006.849 đồng; anh C2: 9.349.315 đồng; anh Đạt: 5.342.466 đồng; anh Diệp: 14.712.329; anh V: 13.869.041 đồng.

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Mạnh C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt những người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp Thái Bình;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- THADS huyện DH;
- Công an huyện DH;
- Bị cáo, người có QLVN liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Thị Lan Phương